

Số: 165/BC-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2021

V/v Báo cáo tình hình việc
làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020

Kính gửi: Vụ giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT- GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 32/KH-ĐHCNQ ngày 02 tháng 02 năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020. Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh báo cáo như sau:

I. Thông tin chung

1. **Tổng số tốt nghiệp năm 2020:** 331 sinh viên; trình độ đại học: 100%.

2. **Đã khảo sát:** 331 sinh viên, trong đó:

- Sinh viên tốt nghiệp có phản hồi 321 đạt 96,98%
- Sinh viên tốt nghiệp không phản hồi 10 đạt 3,02%
- Hình thức khảo sát: gọi điện thoại trực tiếp, phiếu khảo sát trực tiếp.

II. Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (Có phụ lục kèm theo)

Được đánh giá trên 3 chỉ tiêu:

- Sinh viên có việc làm đạt tỷ lệ 100 %;
- Sinh viên chưa có việc làm tỷ lệ: 0%;
- Số sinh viên đang học nâng cao tỷ lệ: 0%.

III. Khu vực việc làm của sinh viên tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước đạt tỷ lệ: 40,4 %
- Tổ chức tư nhân đạt tỷ lệ: 50,77 %
- Liên doanh với nước ngoài đạt tỷ lệ: 15,57 %
- Tự tạo việc làm đạt tỷ lệ: 1,55 %

IV. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

Từ kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp có thể đánh giá như sau:

- Tất cả các sinh viên tốt nghiệp đều đã có việc làm.
- Việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong các khu vực: sinh viên làm trong khối tư nhân chiếm phần lớn (50,77%), khối liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ lệ 15,57%; khối nhà nước chiếm tỷ lệ 40,4%.

- Số lượng sinh viên tự tạo việc làm 1,55%, trên cơ sở chuyên môn đào tạo, năng lực bản thân (tự kinh doanh, mở cơ sở sản xuất, dịch vụ nhỏ; phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh doanh online...).

Tuy nhiên tính ổn định trong việc làm chưa cao; nhiều sinh viên tốt nghiệp có việc làm, kể cả việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo nhưng sau thời gian đã dịch chuyển sang làm việc khác phù hợp với các điều kiện như: Thu nhập cao hơn; khả năng phát triển lâu dài; điều kiện đi lại, sinh hoạt và các điều kiện khác xuất hiện trong xã hội... Đây là xu hướng trải nghiệm của lao động trẻ, chưa bằng lòng với hiện tại, luôn vươn tới cái mới, muốn thử sức ở lĩnh vực khác.

Trên đây là những thông tin cần thiết để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh định hướng đào tạo trong những năm tới cụ thể là: Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và một số thay đổi khác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh rất mong nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Bộ Giáo dục và Đào tạo để Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu xã hội và người học.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, CTSV.


TS. Bùi Thanh Nhu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 165/BC-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

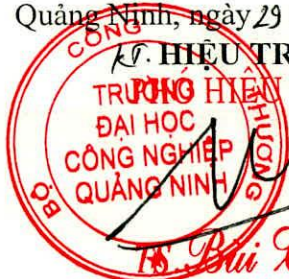
Trình độ đào tạo: Đại học, Liên thông Đại học

Họ và tên cán bộ tổng hợp: Phạm Thị Thu Hương

Số điện thoại liên hệ: 0203.3871.731; 0984096725

STT	Mã ngành(*)	Tên ngành	Số SVTN		Số SVPH		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV phản hồi (%)	Tỷ lệ SVTN có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp (%)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan ngành đào tạo				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	7520601	Kỹ thuật mỏ	18	0	18	0	14	2	2	0	0	100.00	100.00
2	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	122	5	112	3	54	25	33	0	0	100.00	91.80
3	7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	13	1	13	1	10	0	3	0	0	100.00	100.00
4	7510303	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	42	2	42	2	14	12	16	0	0	100.00	100.00
5	7510102	Kỹ thuật công trình xây dựng	12	0	12	0	7	2	3	0	0	100.00	100.00
6	7520503	Kỹ thuật trắc địa	13	1	13	1	11	2	0	0	0	100.00	100.00
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	14	0	14	0	8	4	2	0	0	100.00	100.00
8	7340301	Kế toán	78	67	78	67	48	14	16	0	0	100.00	100.00
9	7340101	Quản trị kinh doanh	5	2	5	2	1	1	3	0	0	100.00	100.00
10	7480201	Công nghệ thông tin	14	1	14	1	10	2	2	0	0	100.00	100.00
11		Tổng	331	79	321	77	177	64	80	0	0	100.00	96.98

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2021


 K. HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG HIỆN TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 CÔNG NGHIỆP
 QUẢNG NINH
 TS. Bùi Thanh Nhu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 1.1.5/BC-ĐHCNQN ngày 29 tháng 11 năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	LTCQ8DH015	Nguyễn Văn Đương	Nam	03/11/1992	7510301	1111111111	0978350393	PKS	x
2	LTCQ9DH001	Vũ Đức Tùng Lâm	Nam	20/12/1990	7510301	1111111111	0979312204	PKS	x
3	LTCQ9DH038	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	07/11/1993	7510301	1111111111	0967555396	GĐTT	x
4	LTCQ9DH006	Nguyễn Văn Nghị	Nam	11/03/1992	7510301	1111111111	0372238090	PKS	x
5	LTCQ9DH039	Đinh Trọng Nghĩa	Nam	17/05/1990	7520601	1111111111	0888131666	PKS	x
6	LTCQ9DH046	Phạm Đại Thắng	Nam	16/08/1991	7520607	1111111111	0399934999	GĐTT	x
7	LTCQ9DH028	Lê Quốc Trung	Nam	30/10/1992	7520607	1111111111	0904540166	GĐTT	x
8	LTCQ9DH030	Bùi Văn Tiến	Nam	24/04/1992	7510201	1111111111	0348383210	PKS	x
9	LTCQ10DH04	Nguyễn Danh Huân	Nam	21/10/1991	7510301	1111111111	0962406568	PKS	x
10	LTCQ10DH10	Nguyễn Minh Thành	Nam	20/06/1996	7510301	1111111111	0936972502	GĐTT	x
11	LTCQ10DH17	Đặng Thị Thu Thủy	Nữ	06/09/1994	7340301	1111111111	0985061294	PKS	x
12	LTCQ10DH27	Phạm Văn Hải	Nam	22/09/1989	7520503	1111111111	0374889869	PKS	x
13	LTCQ10DH22	Đỗ Đức Linh	Nam	20/10/1993	7520503	1111111111	0978122928	PKS	x
14	LTCQ10DH23	Nguyễn Thị Mát	Nữ	06/06/1986	7520503	1111111111	0367299291	PKS	x
15	LTCQ10DH24	Nguyễn Văn Ninh	Nam	02/09/1977	7520503	1111111111	0948488455	PKS	x
16	LTCQ10DH30	Nguyễn Quang Thái	Nam	07/06/1983	7520503	1111111111	0911207683	PKS	x
17	LTCQ10DH29	Nhữ Mạnh Tiến	Nam	19/10/1979	7520503	1111111111	0902214625	PKS	x
18	LTCQ10DH25	Hà Văn Tuấn	Nam	16/03/1981	7520503	1111111111	0975202124	PKS	x
19	CQ08DH0096	Phạm Mạnh Hiệp	Nam	05/11/1997	7510303	1111111111	0904219304	PKS	x
20	CQ08DH0123	Trần Khắc Vinh	Nam	01/8/1997	7510303	1111111111	0372434248	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
21	CQ08DH0340	Đặng Thu Thảo	Nữ	09/5/1997	7340301	1111111111	0328222252	GĐTT	x
22	CQ08DH0338	Nguyễn Duy Hoàn	Nam	03/11/1997	7520607	1111111111	0977580934	PKS	x
23	QC08DH0094	Nguyễn Quang Huy	Nam	18/01/1997	7520607	1111111111	0366603566	PKS	x
24	CQ08DH0137	Trần Đức Lương	Nam	17/11/1997	7520607	1111111111	0327480098	PKS	x
25	CQ06DH1108	Nguyễn Quyết Thắng	Nam	01/05/1994	7510301	1111111111	0327555507	PKS	x
26	CQ06DH0428	Trịnh Văn Hải	Nam	10/01/1995	7510303	1111111111	0357061888	PKS	x
27	CQ06DH0470	Nguyễn Việt Thành	Nam	20/04/1995	7510303	1111111111	0376264988	GĐTT	x
28	CQ06DH1162	Phạm Quốc Bình	Nam	07/03/1995	7520601	1111111111	0888111195	PKS	x
29	CQ06DH1366	Nguyễn Thị Yến	Nữ	21/04/1995	7520607	1111111111	0362801581	GĐTT	x
30	CQ06DH1512	Hà Mạnh Hùng	Nam	16/08/1995	7520503	1111111111	0967254798	PKS	x
31	CQ06DH1461	Đỗ Công Huy	Nam	12/08/1994	7510102	1111111111	0359476388	PKS	x
32	CQ07DH1002	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	30/01/1995	7510301	1111111111	0327890174	PKS	x
33	CQ07DH0812	Nguyễn Đức Phong	Nam	19/06/1995	7510301	1111111111	0962322137	PKS	x
34	CQ07DH0307	Trần Văn Sơn	Nam	10/11/1995	7510301	1111111111	0335033859	PKS	x
35	CQ07DH0625	Bùi Văn Toàn	Nam	06/03/1996	7510301	1111111111	0393941102		
36	CQ07DH0223	Hoàng Quốc Hưng	Nam	16/12/1996	7510301	1111111111	0968692050	PKS	x
37	CQ07DH0326	Nguyễn Xuân Cường	Nam	23/11/1996	7510301	1111111111	0987723996		
38	CQ07DH1198	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	27/09/1996	7510301	1111111111	0333850334	PKS	x
39	CQ07DH0177	Cao Mạnh Hùng	Nam	22/03/1996	7510301	1111111111	0868663559	PKS	x
40	CQ07DH0604	Đinh Quang Huy	Nam	17/04/1996	7510301	1111111111	0354736326	GĐTT	x
41	CQ07DH0357	Nguyễn Văn Phú	Nam	19/05/1996	7510301	1111111111	0333330863	PKS	x
42	CQ07DH0262	Phạm Công An	Nam	08/10/1996	7510303	1111111111	0987909573	PKS	x
43	CQ07DH0350	Đào Duy Long	Nam	10/10/1996	7510303	1111111111	0989224903	PKS	x
44	CQ07DH0203	Đặng Tiến Tùng	Nam	23/05/1996	7510303	1111111111	0911684658	GĐTT	x
45	CQ07DH0206	Bùi Đức Việt	Nam	24/07/1996	7510303	1111111111	0334568525	PKS	x
46	CQ07DH0323	Lê Văn Cảnh	Nam	26/02/1996	7510303	1111111111	0869214357	PKS	x
47	CQ07DH0216	Trần Minh Duy	Nam	11/08/1994	7510303	1111111111	0982445294	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
48	CQ07DH0239	Vũ Đức	Ninh	Nam	11/02/1996	7510303	1111111111	0352948224	PKS	x
49	CQ07DH0255	Phạm Trọng	Trường	Nam	21/02/1996	7510303	1111111111	0345810611	PKS	x
50	CQ07DH0256	Phạm Xuân	Trường	Nam	27/10/1995	7510303	1111111111	0388962933	PKS	x
51	CQ07DH0260	Phan Văn	Tuấn	Nam	07/05/1996	7510303	1111111111	0835551400	GĐTT	x
52	CQ07DH0955	Bùi Hữu	Hải	Nam	25/11/1996	7480201	1111111111	0367875559	PKS	x
53	CQ07DH0264	Đậu Nguyên	Anh	Nam	07/05/1996	7340301	1111111111	0368577025	PKS	x
54	CQ07DH0013	Quách Thu	Huệ	Nữ	20/11/1996	7340301	1111111111	0355958123	GĐTT	x
55	CQ07DH0453	Nguyễn Văn	Hung	Nam	17/09/1993	7340301	1111111111	0967660196	PKS	x
56	CQ07DH0079	Đoàn Nguyễn Bảo	Lâm	Nữ	27/12/1996	7340301	1111111111	0339271296	GĐTT	x
57	CQ06DH0314	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	15/10/1995	7340301	1111111111	0386389262	GĐTT	x
58	CQ07DH0129	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	20/09/1996	7340301	1111111111	0359998804	GĐTT	x
59	CQ07DH0753	Vũ Lê	Hoàng	Nam	17/07/1995	7520607	1111111111	0388050696	PKS	x
60	CQ07DH1101	Nguyễn Đức	Anh	Nam	22/01/1996	7520607	1111111111	0979294288	GĐTT	x
61	CQ07DH0894	Đào Văn	Ninh	Nam	09/10/1995	7510201	1111111111	0378434084	PKS	x
62	CQ07DH0833	Vũ Trí	Chính	Nam	26/03/1996	7510102	1111111111	0856426898	PKS	x
63	CQ07DH0849	Bùi Xuân	Thành	Nam	30/09/1996	7510102	1111111111	0386791996	GĐTT	x
64	CQ08DH0260	Dương Thanh	Bình	Nam	27/01/1997	7510301	1111111111	0919895429		
65	CQ08DH0252	Vũ Đình	Dương	Nam	20/02/1997	7510301	1111111111	0365947899	PKS	x
66	CQ08DH0284	Phạm Văn	Đạo	Nam	22/01/1997	7510301	1111111111	0349985678		
67	CQ08DH0259	Nguyễn Văn	Đức	Nam	25/10/1997	7510301	1111111111	0376268077		
68	CQ08DH0265	Phạm Ngọc	Linh	Nam	28/04/1997	7510301	1111111111	0346033187	PKS	x
69	CQ08DH0254	Hầu Quốc	Nam	Nam	18/12/1997	7510301	1111111111	0356000332	PKS	x
70	CQ08DH0272	Vũ Trọng	Nguyên	Nam	27/10/1997	7510301	1111111111	0836271097		
71	CQ08DH0248	Ngô Hồng	Quân	Nam	18/08/1997	7510301	1111111111	0972548875	PKS	x
72	CQ08DH0250	Bùi Văn	Thái	Nam	04/06/1997	7510301	1111111111	0336004000	PKS	x
73	CQ08DH0360	Trần Văn	Quyết	Nam	15/11/1996	7510201	1111111111	0364981832	PKS	x
74	CQ08DH0152	Nguyễn Xuân	Thủy	Nam	15/08/1997	7510301	1111111111	0399790101	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
75	CQ08DH0209	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	10/05/1997	7510301	1111111111	0988652987	PKS	x
76	CQ08DH0153	Nguyễn Đình Ánh	Nam	11/09/1997	7510301	1111111111	0382315983	PKS	x
77	CQ08DH0206	Nguyễn Việt Dũng	Nam	20/02/1997	7510301	1111111111	0868603880	GĐTT	x
78	CQ08DH0138	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	26/06/1997	7510301	1111111111	0869204492	GĐTT	x
79	CQ08DH0155	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	07/11/1997	7510301	1111111111	0359323239	PKS	x
80	CQ08DH0187	Bùi Tiến Đạt	Nam	04/06/1997	7510301	1111111111	0913935589	PKS	x
81	CQ08DH0189	Vũ Hà Phú	Nam	21/06/1997	7510301	1111111111	0388903888	PKS	x
82	CQ08DH0168	Vũ Hoàng Quyền	Nam	16/01/1997	7510301	1111111111	0383943688	PKS	x
83	CQ08DH0227	Phạm Tiến Thắng	Nam	18/01/1997	7510301	1111111111	0965656041	PKS	x
84	CQ08DH0202	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	17/11/1997	7510301	1111111111	0329316294	PKS	x
85	CQ08DH0170	Nguyễn Văn Tùng	Nam	02/01/1993	7510301	1111111111	0984965993	PKS	x
86	CQ08DH0106	Lê Đức Anh	Nam	15/08/1997	7510303	1111111111	0328815132	PKS	x
87	CQ08DH0339	Trần Thị Kim Liên	Nữ	05/02/1997	7510303	1111111111	0352501263	GĐTT	x
88	CQ08DH0432	Phạm Thanh Sơn	Nam	23/09/1997	7510303	1111111111	0347291868	PKS	x
89	CQ08DH0379	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	05/09/1997	7510303	1111111111	0347605678	PKS	x
90	CQ08DH0093	Phạm Thị Hương Xuân	Nữ	14/05/1997	7510303	1111111111	0374227715	PKS	x
91	CQ08DH0025	Nguyễn Thị Phương Hạnh	Nữ	19/02/1997	7340301	1111111111	0336022888	PKS	x
92	CQ08DH0023	Đinh Thị Thu Huyền	Nữ	26/12/1997	7340301	1111111111	0369208901	PKS	x
93	CQ08DH0004	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	09/10/1997	7340301	1111111111	0964273259	PKS	x
94	CQ08DH0007	Trần Thị Lan Hương	Nữ	03/11/1997	7340301	1111111111	0386379457	PKS	x
95	CQ07DH1165	Lã Thị Diệu Linh	Nữ	07/06/1996	7340301	1111111111	0339876184	PKS	x
96	CQ08DH0030	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	24/09/1997	7340301	1111111111	0326571671	GĐTT	x
97	CQ08DH0428	Trần Ngọc Linh	Nữ	18/05/1997	7340301	1111111111	0375639456	GĐTT	x
98	CQ08DH0372	Trần Thị An	Nữ	02/04/1996	7340301	1111111111	0372345670	PKS	x
99	CQ08DH0039	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	03/12/1997	7340301	1111111111	0392886919	GĐTT	x
100	CQ08DH0395	Trương Việt Anh	Nam	17/05/1996	7340301	1111111111	0983139706	PKS	x
101	CQ08DH0065	Trần Thị Ánh Dương	Nữ	24/10/1997	7340301	1111111111	0967626558	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
102	CQ08DH0055	Nguyễn Cẩm	Giang	Nữ	01/11/1997	7340301	1111111111	0963011197	GĐTT	x
103	CQ08DH0085	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	26/07/1997	7340301	1111111111	0387570934	PKS	x
104	CQ08DH0070	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	25/10/1997	7340301	1111111111	0338103977	PKS	x
105	CQ08DH0398	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/08/1996	7340301	1111111111	0332039686	PKS	x
106	CQ08DH0005	Lê Thị	Thảo	Nữ	29/10/1997	7340301	1111111111	0346966866	PKS	x
107	CQ08DH0305	Vũ Ngọc	Đạt	Nam	15/03/1997	7520601	1111111111	0339008815	PKS	x
108	CQ08DH0301	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	16/09/1997	7520601	1111111111	0363446374	PKS	x
109	CQ08DH0312	Nguyễn Minh	Quang	Nam	16/12/1997	7520601	1111111111	0326123668	PKS	x
110	CQ08DH0336	Nguyễn Duy	Hiệp	Nam	01/11/1997	7520607	1111111111	0343480432	PKS	x
111	CQ08DH0464	Phạm Tùng	Lâm	Nam	11/11/1997	7520607	1111111111	0904227213	PKS	x
112	CQ09DH0053	Nguyễn Thế	Anh	Nam	16/10/1998	7510301	1111111111	0367080388	PKS	x
113	CQ09DH0058	Nguyễn Việt	Cường	Nam	27/03/1998	7510301	1111111111	0969369372	PKS	x
114	CQ09DH0062	Hoàng Văn	Dũng	Nam	25/08/1998	7510301	1111111111	0332275246	GĐTT	x
115	CQ09DH0219	Nguyễn Quang	Đức	Nam	07/04/1998	7510301	1111111111	0329394646	GĐTT	x
116	CQ09DH0072	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	16/09/1997	7510301	1111111111	0911020997	GĐTT	x
117	CQ09DH0220	Ngô Thị Diệu	Hoa	Nữ	25/11/1998	7510301	1111111111	0984054691	GĐTT	x
118	CQ09DH0078	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	03/05/1998	7510301	1111111111	0373921102	GĐTT	x
119	CQ09DH0291	Nguyễn Gia	Huy	Nam	02/05/1998	7510301	1111111111	0964025998	GĐTT	x
120	CQ09DH0084	Phạm Thị Thanh	Hường	Nữ	30/06/1998	7510301	1111111111	0378436646		
121	CQ09DH0085	Đoàn Văn	Hướng	Nam	10/04/1998	7510301	1111111111	0964021123	GĐTT	x
122	CQ09DH0133	Nguyễn Bắc	Nam	Nam	16/07/1998	7510301	1111111111	0348383686	PKS	x
123	CQ09DH0103	Nguyễn Duy	Phúc	Nam	28/02/1998	7510301	1111111111	0369196625	GĐTT	x
124	CQ09DH0271	Hà Duy	Phương	Nam	15/07/1997	7510301	1111111111	0975638697	GĐTT	x
125	CQ09DH0125	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	30/10/1998	7510301	1111111111	0326803894		
126	CQ09DH0117	Đình Quang	Tuấn	Nam	19/09/1998	7510301	1111111111	0375599043	GĐTT	x
127	CQ09DH0222	Lê Anh	Tuấn	Nam	03/02/1998	7510301	1111111111	0339008198	PKS	x
128	CQ09DH0118	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	24/08/1998	7510301	1111111111	0326680913	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
129	CQ09DH0204	Lưu Thanh Bình	Nam	05/12/1998	7510102	1111111111	0384336332	PKS	x
130	CQ09DH0234	Phạm Văn Đại	Nam	29/04/1998	7510102	1111111111	0326540777	PKS	x
131	CQ09DH0205	Nguyễn Văn Triệu Hồ	Nam	21/03/1998	7510102	1111111111	0974221398	PKS	x
132	CQ09DH0255	Nguyễn Bá Nam	Nam	21/02/1998	7510102	1111111111	0337551333	GĐTT	x
133	CQ09DH0002	Lê Hải Ninh	Nam	07/12/1998	7510102	1111111111	0972046276	GĐTT	x
134	CQ09DH0203	Nguyễn Hữu Phú	Nam	28/09/1998	7510102	1111111111	0336000229	GĐTT	x
135	LA09DH0003	Bounmixay Inthasone	Nam	07/07/1998	7510102	1111111111	02056193240	PKS	x
136	LA09DH0008	Vadsana Mekdara	Nam	02/10/1997	7510102	1111111111	02076665777	PKS	x
137	CQ09DH0038	Đỗ Tuấn Anh	Nam	27/02/1998	7510201	1111111111	0325635151	GĐTT	x
138	CQ09DH0050	Đỗ Bình Dương	Nam	17/08/1998	7510201	1111111111	0343214848	GĐTT	x
139	CQ09DH0040	Nguyễn Tùng Dương	Nam	24/01/1998	7510201	1111111111	0376400186	GĐTT	x
140	CQ09DH0041	Quách Văn Đạt	Nam	31/03/1998	7510201	1111111111	0382017599	GĐTT	x
141	CQ09DH0042	Bùi Huy Đức	Nam	03/01/1998	7510201	1111111111	0967571458	GĐTT	x
142	CQ09DH0051	Nguyễn Hữu Hưng	Nam	17/05/1998	7510201	1111111111	0334847495	GĐTT	x
143	CQ09DH0046	Nguyễn Đức Minh	Nam	22/07/1998	7510201	1111111111	0397688383	GĐTT	x
144	CQ09DH0048	Vũ Thành Phương	Nam	10/08/1998	7510201	1111111111	0396356922	PKS	x
145	LA09DH0007	Thinakone Bounpaseuth	Nam	30/01/1996	7510201	1111111111	02075110223	PKS	x
146	LA09DH0006	Bountong Seangphet	Nam	20/04/1996	7510201	1111111111	02094075847	PKS	x
147	LA09DH0005	Soukthivong Xongleehoua	Nam	09/02/1995	7510201	1111111111	1111111111	PKS	x
148	CQ09DH0147	Nguyễn Quang Anh	Nam	23/06/1998	7510301	1111111111	0334766655	GĐTT	x
149	CQ09DH0055	Lê Thanh Bình	Nam	18/11/1998	7510301	1111111111	0917135819	PKS	x
150	CQ09DH0290	Đỗ Trung Dũng	Nam	21/11/1995	7510301	1111111111	0936696797	PKS	x
151	CQ09DH0069	Nguyễn Văn Hai	Nam	13/09/1998	7510301	1111111111	0357965484	PKS	x
152	CQ09DH0070	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	10/12/1998	7510301	1111111111	0369093056	PKS	x
153	CQ09DH0071	Vũ Minh Hải	Nam	29/12/1998	7510301	1111111111	0968863402	PKS	x
154	CQ09DH0079	Lê Trọng Hùng	Nam	14/10/1998	7510301	1111111111	0329866913	GĐTT	x
155	CQ09DH0239	Hoàng Đức Khải	Nam	03/12/1998	7510301	1111111111	0364275521	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
156	CQ09DH0132	Trần Duy	Khanh	Nam	23/06/1998	7510301	1111111111	0399693939	PKS	x
157	CQ09DH0104	Nguyễn Nam	Phuong	Nam	06/02/1998	7510301	1111111111	0348766784	GĐTT	x
158	CQ09DH0105	Nguyễn Sĩ	Quang	Nam	08/11/1998	7510301	1111111111	0376861679	PKS	x
159	CQ09DH0113	Nguyễn Hồng	Son	Nam	07/12/1998	7510301	1111111111	0359352266	PKS	x
160	CQ09DH0114	Bùi Vũ	Tài	Nam	15/05/1998	7510301	1111111111	0967256781	PKS	x
161	CQ09DH0126	Nguyễn Duy	Thắng	Nam	18/07/1998	7510301	1111111111	0966834120		
162	CQ09DH0242	Hà Xuân	Tiến	Nam	05/01/1998	7510301	1111111111	0333832220	PKS	x
163	LA09DH0002	Archo	Phengkham on	Nam	15/07/1997	7510301	1111111111	02052380234	GĐTT	x
164	CQ09DH0218	Bùi Thị Huệ	Chi	Nữ	08/03/1997	7510301	1111111111	0962776224	PKS	x
165	CQ09DH0059	Nguyễn Thành	Chung	Nam	31/10/1998	7510301	1111111111	0393089646	PKS	x
166	CQ09DH0056	Nguyễn Văn	Công	Nam	21/09/1997	7510301	1111111111	0389581322	GĐTT	x
167	CQ09DH0060	Vũ Hữu	Diện	Nam	02/03/1996	7510301	1111111111	0339546628	PKS	x
168	CQ09DH0061	Phạm Anh	Dũng	Nam	06/10/1998	7510301	1111111111	0867439835	PKS	x
169	CQ09DH0065	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	24/06/1998	7510301	1111111111	0343413431	GĐTT	x
170	CQ09DH0012	Nguyễn Lê	Hiếu	Nam	11/01/1998	7510301	1111111111	0327881811	PKS	x
171	CQ09DH0074	Nguyễn Văn	Hoan	Nam	10/01/1998	7510301	1111111111	0396551888	PKS	x
172	CQ09DH0077	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	17/12/1998	7510301	1111111111	0393598725	PKS	x
173	CQ09DH0082	Nguyễn Quang	Huy	Nam	07/01/1998	7510301	1111111111	0383625151	PKS	x
174	CQ09DH0087	Trà Văn	Khải	Nam	29/01/1998	7510301	1111111111	0971136699	GĐTT	x
175	CQ09DH0089	Lê Văn	Khánh	Nam	09/09/1998	7510301	1111111111	0354043998	PKS	x
176	CQ09DH0092	Bùi Đức	Linh	Nam	14/05/1998	7510301	1111111111	0398949465	GĐTT	x
177	CQ09DH0096	Lê Văn	Nam	Nam	03/10/1998	7510301	1111111111	0922823223	PKS	x
178	CQ09DH0267	Nguyễn Đức	Nam	Nam	01/01/1998	7510301	1111111111	0965737126		
179	CQ09DH0283	Vũ Hoài	Nam	Nam	02/05/1998	7510301	1111111111	0375748275	GĐTT	x
180	CQ09DH0100	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	17/01/1998	7510301	1111111111	0365447565	PKS	x
181	CQ09DH0098	Tô Quang	Ninh	Nam	28/10/1998	7510301	1111111111	0339827082	GĐTT	x
182	CQ09DH0134	Phạm Thái	Phong	Nam	17/07/1998	7510301	1111111111	0966869509	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
183	CQ09DH0287	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	19/11/1996	7510301	1111111111	0364294790	PKS	x
184	CQ09DH0109	Vũ Tài	Sang	Nam	15/11/1998	7510301	1111111111	0564006932	PKS	x
185	CQ09DH0111	Tiêu Linh	Son	Nam	02/04/1998	7510301	1111111111	0966016393	PKS	x
186	CQ09DH0121	Lê Văn	Thái	Nam	26/10/1998	7510301	1111111111	0968170369	PKS	x
187	CQ09DH0122	Bùi Tuấn	Thành	Nam	04/04/1998	7510301	1111111111	0389222396	PKS	x
188	CQ09DH0288	Đỗ Cao	Thắng	Nam	22/07/1997	7510301	1111111111	0359974788	GĐTT	x
189	CQ09DH0135	Hà Đức	Thắng	Nam	07/08/1998	7510301	1111111111	0977754874	PKS	x
190	CQ09DH0128	Lại Viết	Thu	Nam	06/07/1998	7510301	1111111111	0963529654	PKS	x
191	CQ09DH0129	Nguyễn Văn	Thực	Nam	21/12/1998	7510301	1111111111	0904294846	PKS	x
192	CQ09DH0115	Bùi Văn	Toàn	Nam	07/06/1998	7510301	1111111111	0339676097	PKS	x
193	CQ09DH0144	Đỗ Kim	Tuấn	Nam	22/11/1998	7510301	1111111111	0972999189	GĐTT	x
194	CQ09DH0116	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	17/08/1995	7510301	1111111111	0397360862	PKS	x
195	CQ09DH0131	Hoàng Minh	Việt	Nam	18/02/1998	7510301	1111111111	0374112755	PKS	x
196	CQ09DH0006	Đinh Văn	Đại	Nam	22/08/1998	7510303	1111111111	0966606385	GĐTT	x
197	CQ09DH0008	Nguyễn Trung	Đức	Nam	18/06/1998	7510303	1111111111	0334132143	GĐTT	x
198	CQ09DH0009	Phạm Hồng	Hải	Nam	02/01/1998	7510303	1111111111	0386632980	PKS	x
199	CQ09DH0016	Bùi Thanh	Long	Nam	27/12/1998	7510303	1111111111	0987071903	PKS	x
200	CQ09DH0018	Lê Công	Mạnh	Nam	17/05/1998	7510303	1111111111	0349156345	PKS	x
201	CQ09DH0280	Đào Hồng	Nam	Nam	01/09/1998	7510303	1111111111	0325802333	GĐTT	x
202	CQ09DH0021	Phạm Văn	Phòng	Nam	13/12/1998	7510303	1111111111	0343918818	GĐTT	x
203	CQ09DH0022	Hoàng Văn	Phúc	Nam	23/11/1998	7510303	1111111111	0975769522	PKS	x
204	CQ09DH0025	Hoàng	Son	Nam	03/03/1997	7510303	1111111111	0326099589	PKS	x
205	CQ09DH0031	Nguyễn Đăng	Thành	Nam	11/12/1998	7510303	1111111111	0387300162	GĐTT	x
206	CQ09DH0026	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	22/12/1998	7510303	1111111111	0389990321	PKS	x
207	CQ09DH0027	Dương Văn	Tĩnh	Nam	16/03/1998	7510303	1111111111	0974233962	GĐTT	x
208	CQ09DH0033	Nguyễn Văn	Trường	Nam	17/08/1998	7510303	1111111111	0395612876	GĐTT	x
209	CQ09DH0034	Nguyễn Văn	Trường	Nam	04/07/1998	7510303	1111111111	0969581053	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
210	CQ09DH0003	Nguyễn Anh Tú	Nam	17/10/1997	7510303	1111111111	0366686816	GĐTT	x
211	CQ09DH0029	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	04/11/1998	7510303	1111111111	0396556242	GĐTT	x
212	CQ09DH0035	Phạm Thế Vinh	Nam	10/03/1998	7510303	1111111111	0983312972	PKS	x
213	CQ09DH0036	Phạm Đức Vũ	Nam	28/11/1998	7510303	1111111111	0334698762	GĐTT	x
214	CQ09DH0281	Phạm Thúy An	Nữ	04/09/1998	7340301	1111111111	0962040998	GĐTT	x
215	CQ09DH0198	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	02/12/1998	7340301	1111111111	0334226966	GĐTT	x
216	CQ09DH0245	Trần Linh Chi	Nữ	16/07/1997	7340301	1111111111	0978105428	GĐTT	x
217	CQ09DH0149	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	22/02/1998	7340301	1111111111	0971386756	GĐTT	x
218	CQ09DH0155	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	11/01/1998	7340301	1111111111	0984313507	GĐTT	x
219	CQ08DH0046	Trương Thị Hoài	Nữ	23/10/1997	7340301	1111111111	0969008009	PKS	x
220	CQ09DH0200	Vũ Minh Hương	Nữ	05/10/1998	7340301	1111111111	0397197666	GĐTT	x
221	CQ09DH0161	Lê Thị Lập	Nữ	02/12/1998	7340301	1111111111	0332830499	GĐTT	x
222	CQ09DH0201	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	01/03/1998	7340301	1111111111	0868873513	GĐTT	x
223	CQ09DH0162	Vũ Thùy Linh	Nữ	01/07/1998	7340301	1111111111	0386214592	PKS	x
224	CQ09DH0164	Phạm Thị Kiều Mai	Nữ	02/02/1998	7340301	1111111111	0936635909	GĐTT	x
225	CQ09DH0246	Nguyễn Thị Thùy Minh	Nữ	05/02/1998	7340301	1111111111	0987002501	GĐTT	x
226	CQ09DH0202	Nguyễn Thái Ngọc	Nam	16/08/1998	7340301	1111111111	0383520055	GĐTT	x
227	CQ09DH0171	Vũ Thị Nhân	Nữ	15/10/1998	7340301	1111111111	0856429988	GĐTT	x
228	CQ09DH0172	Cao Thị Hồng Nhung	Nữ	25/08/1998	7340301	1111111111	0353506941	GĐTT	x
229	CQ09DH0266	Lê Thị Nhung	Nữ	03/10/1998	7340301	1111111111	0358038798	GĐTT	x
230	CQ09DH0167	Trương Thị Niên	Nữ	24/02/1996	7340301	1111111111	0963095808	GĐTT	x
231	CQ09DH0168	Vũ Thị Ninh	Nữ	18/09/1998	7340301	1111111111	0337089612	GĐTT	x
232	CQ09DH0174	Nguyễn Duy Phương	Nam	01/03/1997	7340301	1111111111	0979535781	GĐTT	x
233	CQ09DH0183	Phạm Thanh Thủy	Nữ	03/10/1998	7340301	1111111111	0332582588	GĐTT	x
234	CQ09DH0186	Nguyễn Thanh Trà	Nữ	06/03/1998	7340301	1111111111	0969918698	GĐTT	x
235	CQ09DH0190	Nguyễn Hà Trang	Nữ	17/11/1997	7340301	1111111111	0868366927	GĐTT	x
236	CQ09DH0191	Nguyễn Thị Trang	Nữ	07/05/1998	7340301	1111111111	0338071598	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
237	CQ09DH0189	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	12/07/1998	7340301	1111111111	0338282856	GĐTT	x
238	CQ09DH0188	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/05/1998	7340301	1111111111	0356288243	PKS	x
239	CQ09DH0193	Phùng Thị Thu Trang	Nữ	27/09/1998	7340301	1111111111	0978145800	GĐTT	x
240	CQ09DH0192	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	29/05/1998	7340301	1111111111	0338950381	GĐTT	x
241	CQ09DH0150	Lê Khả Đức	Nam	13/12/1998	7340301	1111111111	0976973198	GĐTT	x
242	CQ09DH0151	Nguyễn Thái Hà	Nữ	05/08/1998	7340301	1111111111	0397913366	GĐTT	x
243	CQ09DH0153	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	Nữ	26/10/1997	7340301	1111111111	0704165590	GĐTT	x
244	CQ09DH0152	Nguyễn Minh Hạnh	Nữ	03/11/1998	7340301	1111111111	0916611331	PKS	x
245	CQ09DH0154	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	06/07/1998	7340301	1111111111	0343564910	GĐTT	x
246	CQ09DH0156	Đồng Huy Hoàng	Nam	09/12/1998	7340301	1111111111	0971245398	GĐTT	x
247	CQ09DH0158	Lê Ngọc Huyền	Nữ	25/06/1998	7340301	1111111111	0352015579	GĐTT	x
248	CQ09DH0157	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	14/11/1996	7340301	1111111111	0965489620	GĐTT	x
249	CQ09DH0160	Phạm Ngọc Lam	Nữ	02/01/1998	7340301	1111111111	0373613286	GĐTT	x
250	CQ09DH0163	Bùi Hương Ly	Nữ	01/08/1998	7340301	1111111111	0325300002	PKS	x
251	CQ09DH0170	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	05/10/1997	7340301	1111111111	0385673485	GĐTT	x
252	CQ09DH0173	Hồ Tuyết Nhung	Nữ	28/01/1998	7340301	1111111111	0388670435	GĐTT	x
253	CQ09DH0175	Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	05/10/1998	7340301	1111111111	0973900932	GĐTT	x
254	CQ09DH0180	Mai Thu Thảo	Nữ	03/10/1998	7340301	1111111111	0901566383	PKS	x
255	CQ09DH0178	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	25/11/1998	7340301	1111111111	0795361998	PKS	x
256	CQ09DH0182	Trần Phương Thảo	Nữ	16/10/1998	7340301	1111111111	0376730671	GĐTT	x
257	CQ09DH0184	Nguyễn Thị Thanh Thư	Nữ	19/12/1998	7340301	1111111111	0343792165	PKS	x
258	CQ09DH0247	Đàm Quỳnh Trang	Nữ	04/12/1998	7340301	1111111111	0916036119	PKS	x
259	CQ09DH0187	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	09/01/1998	7340301	1111111111	0334641166	GĐTT	x
260	CQ09DH0270	Trần Thị Hương Trang	Nữ	17/06/1998	7340301	1111111111	0373440539	GĐTT	x
261	CQ09DH0207	Đỗ Việt Anh	Nam	11/07/1998	7520601	1111111111	0398438787	GĐTT	x
262	CQ07DH0586	Vũ Mạnh Cường	Nam	04/10/1996	7520601	1111111111	0345315877	GĐTT	x
263	CQ09DH0217	Phạm Hồng Hải	Nam	05/11/1998	7520601	1111111111	0372657018	GĐTT	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
							Điện thoại		Có
264	CQ09DH0210	Vũ Hữu Hợp	Nam	29/03/1998	7520601	1111111111	0332952534	PKS	x
265	CQ09DH0211	Trần Duy Khánh	Nam	03/08/1995	7520601	1111111111	0988926746	GĐTT	x
266	CQ09DH0215	Nguyễn Thanh Tuyền	Nam	12/07/1998	7520601	1111111111	0335654470	GĐTT	x
267	CQ09DH0216	Đặng Quốc Tường	Nam	19/05/1998	7520601	1111111111	0368379308	GĐTT	x
268	CQ09DH0212	Vũ Mạnh Lâm	Nam	18/11/1998	7520601	1111111111	0973366660	GĐTT	x
269	CQ09DH0213	Nguyễn Phú Quang Ninh	Nam	25/01/1998	7520601	1111111111	0325773666	GĐTT	x
270	CQ09DH0258	Nguyễn Trung Sơn	Nam	05/05/1997	7520601	1111111111	0829980997	GĐTT	x
271	CQ09DH0146	Nguyễn Viết An	Nam	07/12/1998	7480201	1111111111	0336099611	GĐTT	x
272	CQ09DH0252	Nguyễn Đức Đại	Nam	14/03/1998	7480201	1111111111	0336186616	GĐTT	x
273	CQ09DH0137	Ngô Trường Giang	Nam	07/08/1998	7480201	1111111111	0398807898	GĐTT	x
274	CQ09DH0138	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	27/06/1998	7480201	1111111111	0946671866	PKS	x
275	CQ09DH0139	Từ Quang Hiếu	Nam	09/01/1998	7480201	1111111111	0332070690	GĐTT	x
276	CQ09DH0076	Vũ Tiến Hùng	Nam	28/11/1998	7480201	1111111111	0975982659	PKS	x
277	CQ09DH0141	Nguyễn Duy Khánh	Nam	11/04/1998	7480201	1111111111	0393183355	GĐTT	x
278	CQ09DH0142	Nguyễn Kim Nam	Nam	27/06/1997	7480201	1111111111	0333882936	PKS	x
279	CQ09DH0102	Nguyễn Thanh Phong	Nam	03/12/1998	7480201	1111111111	0389640998	GĐTT	x
280	CQ09DH0253	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Nữ	15/06/1998	7480201	1111111111	0978769787	GĐTT	x
281	CQ09DH0145	Phạm Gia Tuấn	Nam	18/01/1998	7480201	1111111111	0336234023	GĐTT	x
282	CQ09DH0225	Vũ Đức Cường	Nam	15/03/1997	7340101	1111111111	0985850999	GĐTT	x
283	CQ09DH0228	Nguyễn Thế Huỳnh	Nam	17/12/1998	7340101	1111111111	0368661734	GĐTT	x
284	CQ08DH0038	Cao Thị Nga	Nữ	18/12/1997	7340101	1111111111	0967550340	GĐTT	x
285	CQ09DH0286	Trần Hữu Quang	Nam	10/04/1997	7340101	1111111111	0968986058	GĐTT	x
286	CQ09DH0231	Nguyễn Hải Yên	Nữ	30/11/1998	7340101	1111111111	0329126161	GĐTT	x
287	CQ09DH0248	Nguyễn Trung Đức	Nam	15/11/1998	7520503	1111111111	0363155822	GĐTT	x
288	CQ09DH0209	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	25/07/1998	7520503	1111111111	0981076998	GĐTT	x
289	CQ09DH0224	Trần Công Thiện	Nam	19/06/1998	7520503	1111111111	0378824562	PKS	x
290	CQ08DH0249	Dương Thành Công	Nam	24/02/1997	7510301	1111111111	0353504802	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
291	CQ08DH0276	Lê Văn	Đức	Nam	12/07/1997	7510301	1111111111	0965757097	GĐTT	x
292	CQ08DH0434	Phạm Thế	Duyệt	Nam	18/02/1996	7510301	1111111111	0989461866	PKS	x
293	CQ07DH0976	Phan Việt	Anh	Nam	09/12/1996	7510301	1111111111	0333059720	PKS	x
294	CQ08DH0188	Đoàn Trung	Hiếu	Nam	26/07/1997	7510301	1111111111	0399379286	GĐTT	x
295	CQ08DH0463	Nguyễn Bảo	Trọng	Nam	06/12/1995	7510301	1111111111	0964781884	PKS	x
296	CQ08DH0208	Trần Thế	Anh	Nam	02/05/1997	7510301	1111111111	0342662368	PKS	x
297	CQ07DH1017	Vũ Ngọc	Khánh	Nam	19/08/1996	7510301	1111111111	0368774111	PKS	x
298	CQ08DH0172	Phạm Đức	Tuyển	Nam	29/03/1994	7510301	1111111111	0983912252	PKS	x
299	CQ08DH0323	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	17/11/1997	7510303	1111111111	0329691524	GĐTT	x
300	CQ08DH0494	Nguyễn Chí	Thanh	Nam	28/09/1997	7510303	1111111111	0963832049	PKS	x
301	CQ08DH0019	Đoàn Công	Sơn	Nam	12/05/1996	7480201	1111111111	0363787456	PKS	x
302	CQ08DH0426	Bùi Quang	Trường	Nam	16/01/1997	7480201	1111111111	0962725096	GĐTT	x
303	CQ08DH0058	Trần Mỹ	Hoa	Nữ	30/08/1997	7340301	1111111111	0982970197	GĐTT	x
304	CQ08DH0066	Đinh Việt	Khánh	Nam	28/03/1997	7340301	1111111111	0949999943	GĐTT	x
305	CQ08DH0021	Mạc Đức	Mạnh	Nam	25/12/1997	7340301	1111111111	0967864498	PKS	x
306	CQ08DH0014	Nguyễn Thu	Uyên	Nữ	19/11/1997	7340301	1111111111	0359268113	GĐTT	x
307	CQ07DH0396	Trần Văn	Khánh	Nam	11/06/1996	7510301	1111111111	0965569615	GĐTT	x
308	CQ07DH0989	Lưu Hoài	Nam	Nam	11/09/1994	7510301	1111111111	0374885855	PKS	x
309	CQ07DH0195	Phạm Quang	Thành	Nam	26/09/1996	7510303	1111111111	0767143195	GĐTT	x
310	CQ07DH0008	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	30/06/1996	7340301	1111111111	0359888196	GĐTT	x
311	CQ07DH0935	Vũ Hồ Đại	Thắng	Nam	03/07/1996	7340301	1111111111	0981123129	PKS	x
312	CQ06DH1707	Khổng Hồng	Long	Nam	05/01/1995	7520601	1111111111	0362566410	GĐTT	x
313	CQ07DH0280	Nguyễn Đức	Hải	Nam	06/12/1996	7520607	1111111111	0334329243	GĐTT	x
314	CQ07DH0780	Vũ Đức	Toàn	Nam	10/02/1996	7520607	1111111111	0399402488	PKS	x
315	CQ07DH0797	Trịnh Thái	Hung	Nam	08/05/1996	7520607	1111111111	0328522945	GĐTT	x
316	CQ07DH1031	Vũ Ngọc	Thanh	Nam	28/08/1996	7510102	1111111111	0962860362	GĐTT	x
317	LTCQ8DH137	Phạm Hải	Nam	Nam	27/07/1994	7520601	1111111111	0963106675	PKS	x

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Mã ngành	Số CMTND	Thông tin liên hệ của SVTN	Phương thức khảo sát	SVTN có phản hồi
								Điện thoại		Có
318	LTCQ9DH029	Bùi Anh	Tuấn	Nam	14/09/1992	7520601	1111111111	0392087192	GĐTT	x
319	LTCQ10DH12	Bùi Công	Doãn	Nam	26/06/1990	7510303	1111111111	0397798468	PKS	x
320	LTCQ10DH14	Nguyễn Văn	Phương	Nam	29/09/1992	7510303	1111111111	0974605407	PKS	x
321	LTCQ10DH26	Nguyễn Văn	Ánh	Nam	19/05/1987	7520503	1111111111	0977987323	PKS	x
322	LTLA11DH06	Latthana	Anousone	Nam	14/04/1996	7510301	1111111111	0889659870	PKS	x
323	LTLA11DH02	Phonepaseuth	Siliphone	Nam	23/03/1996	7510301	1111111111	0889660441	PKS	x
324	LTLA11DH03	Pheth	Sounantha	Nam	30/12/1994	7510301	1111111111	0936956648	PKS	x
325	LTLA11DH01	Bounthasay	Thykeo	Nam	11/01/1996	7510301	1111111111	0948116951	PKS	x
326	LTLA11DH05	Bounchan	Vilaithong	Nam	13/08/1997	7510301	1111111111	0911628774	PKS	x
327	LTLA11DH04	Ouy	Xaisithone	Nam	23/12/1995	7510301	1111111111	0948116951	PKS	x
328	LTCQ11DH07	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	23/11/1992	7510301	1111111111	0911628774	PKS	x
329	LTCQ11DH17	Phạm Hoàng	Điệp	Nữ	06/10/1979	7340301	1111111111	0399379583	PKS	x
330	LA09DH0001	Nukham	Seelasay	Nam	14/01/1997	7510301	1111111111	02028995501	PKS	x
331	LA09DH0004	Phailakhone	Sephanya	Nam	01/05/1995	7520503	1111111111	02094669089	PKS	x

Trong đó: Số thứ tự từ 1 - 18

Số thứ tự từ 19 - 24

Số thứ tự từ 25 - 111

Số thứ tự từ 112 - 316

Số thứ tự từ 317 - 329

Số thứ tự từ 330 - 331

Quyết định tốt nghiệp số 10

Quyết định tốt nghiệp số 13

Quyết định tốt nghiệp số 14

Quyết định tốt nghiệp số 99

Quyết định tốt nghiệp số 101

Quyết định tốt nghiệp số 114

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 11 năm 2021

KTHIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
QUẢNG NINH
TS. Bùi Thanh Nhu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐHCN QUẢNG NINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 PHẢN HỒI

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-ĐHCNQNN ngày... tháng // năm 2021 của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	LTCQ8DH015	Nguyễn Văn Dương	03/11/1992	x					x				Quảng Ninh
2	LTCQ9DH001	Vũ Đức Tùng Lâm	20/12/1990	x					x				Quảng Ninh
3	LTCQ9DH038	Trần Thị Thanh Nga	07/11/1993	x					x				Quảng Ninh
4	LTCQ9DH006	Nguyễn Văn Nghị	11/03/1992	x								x	Hải Phòng
5	LTCQ9DH039	Đinh Trọng Nghĩa	17/05/1990	x					x				Hải Dương
6	LTCQ9DH046	Phạm Đại Thắng	16/08/1991	x					x				Quảng Ninh
7	LTCQ9DH028	Lê Quốc Trung	30/10/1992	x					x				Quảng Ninh
8	LTCQ9DH030	Bùi Văn Tiến	24/04/1992	x						x			Quảng Ninh
9	LTCQ10DH04	Nguyễn Danh Huân	21/10/1991	x					x				Hải Dương
10	LTCQ10DH10	Nguyễn Minh Thành	20/06/1996	x					x				Quảng Ninh
11	LTCQ10DH17	Đặng Thị Thu Thủy	06/09/1994	x					x				Quảng Ninh
12	LTCQ10DH27	Phạm Văn Hải	22/09/1989	x					x				Quảng Ninh
13	LTCQ10DH22	Đỗ Đức Linh	20/10/1993	x					x				Quảng Ninh
14	LTCQ10DH23	Nguyễn Thị Mát	06/06/1986	x					x				Lạng Sơn
15	LTCQ10DH24	Nguyễn Văn Ninh	02/09/1977	x					x				Hà Nội
16	LTCQ10DH30	Nguyễn Quang Thái	07/06/1983	x					x				Quảng Ninh
17	LTCQ10DH29	Nhữ Mạnh Tiến	19/10/1979	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
18	LTCQ10DH25	Hà Văn Tuấn	16/03/1981	x					x				Hải Phòng
19	CQ08DH0096	Phạm Mạnh Hiệp	05/11/1997			x				x			Quảng Ninh
20	CQ08DH0123	Trần Khắc Vinh	01/8/1997	x						x			Hải Dương
21	CQ08DH0340	Đặng Thu Thảo	09/5/1997			x				x			Quảng Ninh
22	CQ08DH0338	Nguyễn Duy Hoàn	03/11/1997	x					x				Quảng Ninh
23	QC08DH0094	Nguyễn Quang Huy	18/01/1997	x					x				Quảng Ninh
24	CQ08DH0137	Trần Đức Lương	17/11/1997	x					x				Quảng Ninh
25	CQ06DH1108	Nguyễn Quyết Thắng	01/05/1994	x					x				Quảng Ninh
26	CQ06DH0428	Trịnh Văn Hải	10/01/1995		x					x			Quảng Ninh
27	CQ06DH0470	Nguyễn Việt Thành	20/04/1995	x					x				Quảng Ninh
28	CQ06DH1162	Phạm Quốc Bình	07/03/1995			x				x			Quảng Ninh
29	CQ06DH1366	Nguyễn Thị Yên	21/04/1995	x					x				Quảng Ninh
30	CQ06DH1512	Hà Mạnh Hùng	16/08/1995		x					x			Quảng Ninh
31	CQ06DH1461	Đỗ Công Huy	12/08/1994			x					x		Hà Nam
32	CQ07DH1002	Nguyễn Thanh Hùng	30/01/1995	x					x				Quảng Ninh
33	CQ07DH0812	Nguyễn Đức Phong	19/06/1995			x						x	Hải Phòng
34	CQ07DH0307	Trần Văn Sơn	10/11/1995			x						x	Hải Phòng
35	CQ07DH0223	Hoàng Quốc Hưng	16/12/1996			x				x			Quảng Ninh
36	CQ07DH1198	Nguyễn Tiến Đạt	27/09/1996		x					x			Quảng Ninh
37	CQ07DH0177	Cao Mạnh Hùng	22/03/1996		x				x				Quảng Ninh
38	CQ07DH0604	Đình Quang Huy	17/04/1996			x				x			Quảng Ninh
39	CQ07DH0357	Nguyễn Văn Phú	19/05/1996			x				x			Hải Phòng
40	CQ07DH0262	Phạm Công An	08/10/1996	x						x			Quảng Ninh
41	CQ07DH0350	Đào Duy Long	10/10/1996	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
42	CQ07DH0203	Đặng Tiến Tùng	23/05/1996			x				x			Quảng Ninh
43	CQ07DH0206	Bùi Đức Việt	24/07/1996			x				x			Quảng Ninh
44	CQ07DH0323	Lê Văn Cảnh	26/02/1996			x						x	Quảng Ninh
45	CQ07DH0216	Trần Minh Duy	11/08/1994			x				x			Quảng Ninh
46	CQ07DH0239	Vũ Đức Ninh	11/02/1996			x						x	Quảng Ninh
47	CQ07DH0255	Phạm Trọng Trường	21/02/1996		x							x	Quảng Ninh
48	CQ07DH0256	Phạm Xuân Trường	27/10/1995			x				x			Quảng Ninh
49	CQ07DH0260	Phan Văn Tuấn	07/05/1996			x				x			Quảng Ninh
50	CQ07DH0955	Bùi Hữu Hải	25/11/1996		x				x				Quảng Ninh
51	CQ07DH0264	Đậu Nguyên Anh	07/05/1996	x						x			Quảng Ninh
52	CQ07DH0013	Quách Thu Huệ	20/11/1996			x				x			Quảng Ninh
53	CQ07DH0453	Nguyễn Văn Hưng	17/09/1993	x					x				Quảng Ninh
54	CQ07DH0079	Đoàn Nguyễn Bảo Lâm	27/12/1996	x						x			Quảng Ninh
55	CQ06DH0314	Phạm Thị Thanh Thảo	15/10/1995	x						x			TP. Hồ Chí Minh
56	CQ07DH0129	Nguyễn Trung Hiếu	20/09/1996			x				x			Quảng Ninh
57	CQ07DH0753	Vũ Lê Hoàng	17/07/1995			x				x			Quảng Ninh
58	CQ07DH1101	Nguyễn Đức Anh	22/01/1996			x				x			Quảng Ninh
59	CQ07DH0894	Đào Văn Ninh	09/10/1995			x						x	Nhật
60	CQ07DH0833	Vũ Trí Chính	26/03/1996			x				x			Quảng Ninh
61	CQ07DH0849	Bùi Xuân Thành	30/09/1996		x					x			Hải Phòng
62	CQ08DH0252	Vũ Đình Dương	20/02/1997			x				x			Quảng Ninh
63	CQ08DH0265	Phạm Ngọc Linh	28/04/1997			x						x	Hải Phòng
64	CQ08DH0254	Hầu Quốc Nam	18/12/1997			x				x			Quảng Ninh
65	CQ08DH0248	Ngô Hồng Quân	18/08/1997		x					x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
66	CQ08DH0250	Bùi Văn Thái	04/06/1997			x				x			Hải Phòng
67	CQ08DH0360	Trần Văn Quyết	15/11/1996		x							x	Hà Nam
68	CQ08DH0152	Nguyễn Xuân Thuỷ	15/08/1997			x			x				Quảng Ninh
69	CQ08DH0209	Nguyễn Văn Tuấn	10/05/1997	x						x			Hải Dương
70	CQ08DH0153	Nguyễn Đình Ánh	11/09/1997		x							x	Nhật
71	CQ08DH0206	Nguyễn Việt Dũng	20/02/1997			x				x			Quảng Ninh
72	CQ08DH0138	Nguyễn Văn Hoàng	26/06/1997			x			x				Bắc Giang
73	CQ08DH0155	Nguyễn Hoàng Nam	07/11/1997	x					x				Sơn La
74	CQ08DH0187	Bùi Tiến Đạt	04/06/1997	x					x				Quảng Ninh
75	CQ08DH0189	Vũ Hà Phú	21/06/1997		x							x	Hải Dương
76	CQ08DH0168	Vũ Hoàng Quyền	16/01/1997			x				x			Hải Phòng
77	CQ08DH0227	Phạm Tiến Thắng	18/01/1997			x				x			Quảng Ninh
78	CQ08DH0202	Nguyễn Đức Thịnh	17/11/1997			x				x			Quảng Ninh
79	CQ08DH0170	Nguyễn Văn Tùng	02/01/1993		x							x	Hải Phòng
80	CQ08DH0106	Lê Đức Anh	15/08/1997		x				x				Quảng Ninh
81	CQ08DH0339	Trần Thị Kim Liên	05/02/1997			x				x			Quảng Ninh
82	CQ08DH0432	Phạm Thanh Sơn	23/09/1997		x				x				Quảng Ninh
83	CQ08DH0379	Nguyễn Anh Tuấn	05/09/1997			x				x			TP. Hồ Chí Minh
84	CQ08DH0093	Phạm Thị Hương Xuân	14/05/1997		x				x				Quảng Ninh
85	CQ08DH0025	Nguyễn Thị Phương Hạnh	19/02/1997	x					x				Quảng Ninh
86	CQ08DH0023	Đinh Thị Thu Huyền	26/12/1997		x					x			Quảng Ninh
87	CQ08DH0004	Vũ Thị Thu Huyền	09/10/1997			x				x			Quảng Ninh
88	CQ08DH0007	Trần Thị Lan Hương	03/11/1997		x					x			Quảng Ninh
89	CQ07DH1165	Lã Thị Diệu Linh	07/06/1996		x					x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
90	CQ08DH0030	Nguyễn Thị Mỹ Linh	24/09/1997	x							x			Quảng Ninh
91	CQ08DH0428	Trần Ngọc Linh	18/05/1997	x							x			Quảng Ninh
92	CQ08DH0372	Trần Thị An	02/04/1996			x					x			Hà Nội
93	CQ08DH0039	Nguyễn Thị Hoàng Anh	03/12/1997			x					x			Quảng Ninh
94	CQ08DH0395	Trương Việt Anh	17/05/1996			x					x			Quảng Ninh
95	CQ08DH0065	Trần Thị Ánh Dương	24/10/1997			x					x			Quảng Ninh
96	CQ08DH0055	Nguyễn Cẩm Giang	01/11/1997		x						x			Quảng Ninh
97	CQ08DH0085	Lê Thị Thu Hiền	26/07/1997		x						x			Hà Nội
98	CQ08DH0070	Nguyễn Thị Huệ	25/10/1997		x								x	Quảng Ninh
99	CQ08DH0398	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	14/08/1996	x							x			Quảng Ninh
100	CQ08DH0005	Lê Thị Thảo	29/10/1997	x							x			Quảng Ninh
101	CQ08DH0305	Vũ Ngọc Đạt	15/03/1997	x						x				Quảng Ninh
102	CQ08DH0301	Nguyễn Văn Hiếu	16/09/1997	x						x				Quảng Ninh
103	CQ08DH0312	Nguyễn Minh Quang	16/12/1997			x					x			Hà Nội
104	CQ08DH0336	Nguyễn Duy Hiệp	01/11/1997	x						x				Quảng Ninh
105	CQ08DH0464	Phạm Tùng Lâm	11/11/1997	x						x				Quảng Ninh
106	CQ09DH0053	Nguyễn Thế Anh	16/10/1998	x						x				Quảng Ninh
107	CQ09DH0058	Nguyễn Viết Cường	27/03/1998	x									x	Quảng Ninh
108	CQ09DH0062	Hoàng Văn Dũng	25/08/1998			x				x				Quảng Ninh
109	CQ09DH0219	Nguyễn Quang Đức	07/04/1998	x						x				Quảng Ninh
110	CQ09DH0072	Nguyễn Văn Hậu	16/09/1997	x						x				Quảng Ninh
111	CQ09DH0220	Ngô Thị Diệu Hoa	25/11/1998			x					x			Quảng Ninh
112	CQ09DH0078	Nguyễn Mạnh Hùng	03/05/1998	x						x				Quảng Ninh
113	CQ09DH0291	Nguyễn Gia Huy	02/05/1998	x						x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
114	CQ09DH0085	Đoàn Văn Hường	10/04/1998			x				x			Quảng Ninh
115	CQ09DH0133	Nguyễn Bắc Nam	16/07/1998	x								x	Quảng Ninh
116	CQ09DH0103	Nguyễn Duy Phúc	28/02/1998	x					x				Quảng Ninh
117	CQ09DH0271	Hà Duy Phương	15/07/1997			x				x			Hải Dương
118	CQ09DH0117	Đình Quang Tuấn	19/09/1998		x				x				Quảng Ninh
119	CQ09DH0222	Lê Anh Tuấn	03/02/1998	x					x				Quảng Ninh
120	CQ09DH0118	Nguyễn Minh Tuấn	24/08/1998	x					x				Quảng Ninh
121	CQ09DH0204	Lưu Thanh Bình	05/12/1998	x						x			Quảng Ninh
122	CQ09DH0234	Phạm Văn Đại	29/04/1998		x					x			Hải Phòng
123	CQ09DH0205	Nguyễn Văn Triệu Hổ	21/03/1998	x						x			Quảng Ninh
124	CQ09DH0255	Nguyễn Bá Nam	21/02/1998	x						x			Quảng Ninh
125	CQ09DH0002	Lê Hải Ninh	07/12/1998	x						x			Quảng Ninh
126	CQ09DH0203	Nguyễn Hữu Phú	28/09/1998	x						x			Quảng Ninh
127	LA09DH0003	Bounmixay Inthasone	07/07/1998	x					x				Quảng Ninh
128	LA09DH0008	Vadsana Mekdara	02/10/1997	x					x				Quảng Ninh
129	CQ09DH0038	Đỗ Tuấn Anh	27/02/1998	x						x			Quảng Ninh
130	CQ09DH0050	Đỗ Bình Dương	17/08/1998	x					x				Quảng Ninh
131	CQ09DH0040	Nguyễn Tùng Dương	24/01/1998	x					x				Quảng Ninh
132	CQ09DH0041	Quách Văn Đạt	31/03/1998	x								x	Quảng Ninh
133	CQ09DH0042	Bùi Huy Đức	03/01/1998		x					x			Quảng Ninh
134	CQ09DH0051	Nguyễn Hữu Hưng	17/05/1998		x							x	Hải Phòng
135	CQ09DH0046	Nguyễn Đức Minh	22/07/1998		x							x	Hải Phòng
136	CQ09DH0048	Vũ Thành Phương	10/08/1998	x						x			Quảng Ninh
137	LA09DH0007	Thinakone Bounpaseuth	30/01/1996			x				x			Lào

[illegible]

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
162	CQ09DH0074	Nguyễn Văn Hoan	10/01/1998			x						x	Quảng Ninh
163	CQ09DH0077	Nguyễn Mạnh Hùng	17/12/1998		x					x			Quảng Ninh
164	CQ09DH0082	Nguyễn Quang Huy	07/01/1998		x					x			Hà Nội
165	CQ09DH0087	Trà Văn Khải	29/01/1998	x					x				Quảng Ninh
166	CQ09DH0089	Lê Văn Khánh	09/09/1998	x								x	Quảng Ninh
167	CQ09DH0092	Bùi Đức Linh	14/05/1998	x					x				Quảng Ninh
168	CQ09DH0096	Lê Văn Nam	03/10/1998		x							x	Quảng Ninh
169	CQ09DH0283	Vũ Hoài Nam	02/05/1998	x						x			Hà Nội
170	CQ09DH0100	Nguyễn Văn Nguyên	17/01/1998			x				x			Quảng Ninh
171	CQ09DH0098	Tô Quang Ninh	28/10/1998	x					x				Quảng Ninh
172	CQ09DH0134	Phạm Thái Phong	17/07/1998		x							x	Quảng Ninh
173	CQ09DH0287	Nguyễn Hữu Phúc	19/11/1996		x					x			Đồng Nai
174	CQ09DH0109	Vũ Tài Sang	15/11/1998	x								x	Quảng Ninh
175	CQ09DH0111	Tiêu Linh Sơn	02/04/1998		x					x			Hải Dương
176	CQ09DH0121	Lê Văn Thái	26/10/1998		x							x	Quảng Ninh
177	CQ09DH0122	Bùi Tuấn Thành	04/04/1998		x							x	Quảng Ninh
178	CQ09DH0288	Đỗ Cao Thắng	22/07/1997	x						x			Quảng Ninh
179	CQ09DH0135	Hà Đức Thắng	07/08/1998	x						x			Quảng Ninh
180	CQ09DH0128	Lại Viết Thu	06/07/1998	x					x				Quảng Ninh
181	CQ09DH0129	Nguyễn Văn Thực	21/12/1998	x								x	Quảng Ninh
182	CQ09DH0115	Bùi Văn Toàn	07/06/1998			x				x			Quảng Ninh
183	CQ09DH0144	Đỗ Kim Tuấn	22/11/1998			x			x				Quảng Ninh
184	CQ09DH0116	Nguyễn Anh Tuấn	17/08/1995		x					x			Hải Dương
185	CQ09DH0131	Hoàng Minh Việt	18/02/1998	x						x			Bắc Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
186	CQ09DH0006	Đinh Văn Đại	22/08/1998			x				x			Quảng Ninh
187	CQ09DH0008	Nguyễn Trung Đức	18/06/1998	x						x			Hà Nội
188	CQ09DH0009	Phạm Hồng Hải	02/01/1998		x					x			Hải Dương
189	CQ09DH0016	Bùi Thanh Long	27/12/1998	x								x	Bắc Ninh
190	CQ09DH0018	Lê Công Mạnh	17/05/1998	x								x	Quảng Ninh
191	CQ09DH0280	Đào Hồng Nam	01/09/1998			x				x			Quảng Ninh
192	CQ09DH0021	Phạm Văn Phòng	13/12/1998		x							x	Nhật
193	CQ09DH0022	Hoàng Văn Phúc	23/11/1998		x					x			Quảng Ninh
194	CQ09DH0025	Hoàng Sơn	03/03/1997			x				x			Quảng Ninh
195	CQ09DH0031	Nguyễn Đăng Thành	11/12/1998	x					x				Quảng Ninh
196	CQ09DH0026	Nguyễn Văn Tiến	22/12/1998	x								x	Quảng Ninh
197	CQ09DH0027	Dương Văn Tinh	16/03/1998	x					x				Quảng Ninh
198	CQ09DH0033	Nguyễn Văn Trường	17/08/1998		x				x				Quảng Ninh
199	CQ09DH0034	Nguyễn Văn Trường	04/07/1998			x					x		Thái Bình
200	CQ09DH0003	Nguyễn Anh Tú	17/10/1997		x					x			Quảng Ninh
201	CQ09DH0029	Nguyễn Thanh Tùng	04/11/1998			x				x			Quảng Ninh
202	CQ09DH0035	Phạm Thế Vinh	10/03/1998	x						x			Hải Dương
203	CQ09DH0036	Phạm Đức Vũ	28/11/1998		x					x			Hải Dương
204	CQ09DH0281	Phạm Thúy An	04/09/1998	x					x				Quảng Ninh
205	CQ09DH0198	Phạm Thị Ngọc Anh	02/12/1998	x					x				Hải Dương
206	CQ09DH0245	Trần Linh Chi	16/07/1997	x						x			Quảng Ninh
207	CQ09DH0149	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	22/02/1998			x				x			Quảng Ninh
208	CQ09DH0155	Nguyễn Thị Hậu	11/01/1998	x					x				Quảng Ninh
209	CQ08DH0046	Trương Thị Hoài	23/10/1997	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
210	CQ09DH0200	Vũ Minh Hương	05/10/1998		x					x			Quảng Ninh
211	CQ09DH0161	Lê Thị Lập	02/12/1998	x						x			Quảng Ninh
212	CQ09DH0201	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/03/1998	x						x			Quảng Ninh
213	CQ09DH0162	Vũ Thùy Linh	01/07/1998		x					x			Quảng Ninh
214	CQ09DH0164	Phạm Thị Kiều Mai	02/02/1998	x						x			Quảng Ninh
215	CQ09DH0246	Nguyễn Thị Thùy Minh	05/02/1998	x					x				Quảng Ninh
216	CQ09DH0202	Nguyễn Thái Ngọc	16/08/1998			x				x			Quảng Ninh
217	CQ09DH0171	Vũ Thị Nhân	15/10/1998	x						x			Quảng Ninh
218	CQ09DH0172	Cao Thị Hồng Nhung	25/08/1998	x					x				Quảng Ninh
219	CQ09DH0266	Lê Thị Nhung	03/10/1998	x					x				Quảng Ninh
220	CQ09DH0167	Trương Thị Niên	24/02/1996	x						x			Quảng Ninh
221	CQ09DH0168	Vũ Thị Ninh	18/09/1998	x						x			Quảng Ninh
222	CQ09DH0174	Nguyễn Duy Phương	01/03/1997	x						x			Quảng Ninh
223	CQ09DH0183	Phạm Thanh Thủy	03/10/1998	x						x			Quảng Ninh
224	CQ09DH0186	Nguyễn Thanh Trà	06/03/1998	x						x			Quảng Ninh
225	CQ09DH0190	Nguyễn Hà Trang	17/11/1997	x					x				Quảng Ninh
226	CQ09DH0191	Nguyễn Thị Trang	07/05/1998	x						x			Hà Nội
227	CQ09DH0189	Nguyễn Thị Minh Trang	12/07/1998	x					x				Quảng Ninh
228	CQ09DH0188	Nguyễn Thị Thùy Trang	30/05/1998		x							x	Hải Phòng
229	CQ09DH0193	Phùng Thị Thu Trang	27/09/1998	x						x			Vĩnh Phúc
230	CQ09DH0192	Vũ Thị Huyền Trang	29/05/1998	x						x			Quảng Ninh
231	CQ09DH0150	Lê Khả Đức	13/12/1998	x						x			Hà Nội
232	CQ09DH0151	Nguyễn Thái Hà	05/08/1998	x						x			Quảng Ninh
233	CQ09DH0153	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	26/10/1997	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
234	CQ09DH0152	Nguyễn Minh Hạnh	03/11/1998		x				x				Quảng Ninh
235	CQ09DH0154	Phạm Thị Thúy Hằng	06/07/1998	x						x			Quảng Ninh
236	CQ09DH0156	Đồng Huy Hoàng	09/12/1998	x						x			Quảng Ninh
237	CQ09DH0158	Lê Ngọc Huyền	25/06/1998	x						x			Quảng Ninh
238	CQ09DH0157	Vũ Thị Thanh Huyền	14/11/1996	x						x			Quảng Ninh
239	CQ09DH0160	Phạm Ngọc Lam	02/01/1998	x						x			Quảng Ninh
240	CQ09DH0163	Bùi Hương Ly	01/08/1998		x					x			Quảng Ninh
241	CQ09DH0170	Nguyễn Thị Ngân	05/10/1997		x					x			Quảng Ninh
242	CQ09DH0173	Hồ Tuyết Nhung	28/01/1998			x					x		Quảng Ninh
243	CQ09DH0175	Nguyễn Hương Quỳnh	05/10/1998		x							x	Nhật
244	CQ09DH0180	Mai Thu Thảo	03/10/1998			x					x		Quảng Ninh
245	CQ09DH0178	Phạm Thị Phương Thảo	25/11/1998			x				x			Quảng Ninh
246	CQ09DH0182	Trần Phương Thảo	16/10/1998	x						x			Quảng Ninh
247	CQ09DH0184	Nguyễn Thị Thanh Thư	19/12/1998	x						x			Hà Nội
248	CQ09DH0247	Đàm Quỳnh Trang	04/12/1998	x					x				Quảng Ninh
249	CQ09DH0187	Hoàng Thị Huyền Trang	09/01/1998	x						x			Quảng Ninh
250	CQ09DH0270	Trần Thị Hương Trang	17/06/1998	x					x				Hải Dương
251	CQ09DH0207	Đỗ Việt Anh	11/07/1998	x					x				Quảng Ninh
252	CQ07DH0586	Vũ Mạnh Cường	04/10/1996	x					x				Quảng Ninh
253	CQ09DH0217	Phạm Hồng Hải	05/11/1998	x					x				Quảng Ninh
254	CQ09DH0210	Vũ Hữu Hợp	29/03/1998		x				x				Quảng Ninh
255	CQ09DH0211	Trần Duy Khánh	03/08/1995	x					x				Quảng Ninh
256	CQ09DH0215	Nguyễn Thanh Tuyền	12/07/1998	x					x				Quảng Ninh
257	CQ09DH0216	Đặng Quốc Tường	19/05/1998	x					x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
258	CQ09DH0212	Vũ Mạnh Lâm	18/11/1998	x					x				Quảng Ninh
259	CQ09DH0213	Nguyễn Phú Quang Ninh	25/01/1998	x					x				Quảng Ninh
260	CQ09DH0258	Nguyễn Trung Sơn	05/05/1997	x					x				Quảng Ninh
261	CQ09DH0146	Nguyễn Viết An	07/12/1998	x						x			Quảng Ninh
262	CQ09DH0252	Nguyễn Đức Đại	14/03/1998	x						x			Quảng Ninh
263	CQ09DH0137	Ngô Trường Giang	07/08/1998	x						x			Quảng Ninh
264	CQ09DH0138	Nguyễn Trung Hiếu	27/06/1998	x					x				Quảng Ninh
265	CQ09DH0139	Từ Quang Hiếu	09/01/1998	x						x			Quảng Ninh
266	CQ09DH0076	Vũ Tiến Hùng	28/11/1998			x				x			Hà Nội
267	CQ09DH0141	Nguyễn Duy Khánh	11/04/1998	x						x			Nam Định
268	CQ09DH0142	Nguyễn Kim Nam	27/06/1997			x				x			Hải Dương
269	CQ09DH0102	Nguyễn Thanh Phong	03/12/1998	x						x			Quảng Ninh
270	CQ09DH0253	Đinh Thị Diễm Quỳnh	15/06/1998	x						x			Quảng Ninh
271	CQ09DH0145	Phạm Gia Tuấn	18/01/1998	x						x			Quảng Ninh
272	CQ09DH0225	Vũ Đức Cường	15/03/1997	x						x			Quảng Ninh
273	CQ09DH0228	Nguyễn Thế Huỳnh	17/12/1998			x			x				Quảng Ninh
274	CQ08DH0038	Cao Thị Nga	18/12/1997			x					x		Quảng Ninh
275	CQ09DH0286	Trần Hữu Quang	10/04/1997		x							x	Quảng Ninh
276	CQ09DH0231	Nguyễn Hải Yên	30/11/1998			x				x			Quảng Ninh
277	CQ09DH0248	Nguyễn Trung Đức	15/11/1998	x						x			Quảng Ninh
278	CQ09DH0209	Nguyễn Trung Hiếu	25/07/1998	x						x			Quảng Ninh
279	CQ09DH0224	Trần Công Thiện	19/06/1998		x					x			Quảng Ninh
280	CQ08DH0249	Dương Thành Công	24/02/1997	x					x				Quảng Ninh
281	CQ08DH0276	Lê Văn Đức	12/07/1997			x				x			Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)	
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài		
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
282	CQ08DH0434	Phạm Thế Duyệt	18/02/1996	x									x	Nhật
283	CQ07DH0976	Phan Việt Anh	09/12/1996			x					x			Quảng Ninh
284	CQ08DH0188	Đoàn Trung Hiếu	26/07/1997	x							x			Quảng Ninh
285	CQ08DH0463	Nguyễn Bảo Trọng	06/12/1995		x					x				Quảng Ninh
286	CQ08DH0208	Trần Thế Anh	02/05/1997			x					x			Quảng Ninh
287	CQ07DH1017	Vũ Ngọc Khánh	19/08/1996		x						x			Quảng Ninh
288	CQ08DH0172	Phạm Đức Tuyển	29/03/1994			x							x	Nhật
289	CQ08DH0323	Nguyễn Văn Ngọc	17/11/1997	x						x				Quảng Ninh
290	CQ08DH0494	Nguyễn Chí Thanh	28/09/1997			x					x			Hưng Yên
291	CQ08DH0019	Đoàn Công Sơn	12/05/1996	x						x				Quảng Ninh
292	CQ08DH0426	Bùi Quang Trường	16/01/1997		x						x			Quảng Ninh
293	CQ08DH0058	Trần Mỹ Hoa	30/08/1997			x					x			Quảng Ninh
294	CQ08DH0066	Đinh Việt Khánh	28/03/1997	x							x			Đà Nẵng
295	CQ08DH0021	Mạc Đức Mạnh	25/12/1997			x					x			Quảng Ninh
296	CQ08DH0014	Nguyễn Thu Uyên	19/11/1997		x						x			Quảng Ninh
297	CQ07DH0396	Trần Văn Khánh	11/06/1996		x						x			Quảng Ninh
298	CQ07DH0989	Lưu Hoài Nam	11/09/1994		x								x	Quảng Ninh
299	CQ07DH0195	Phạm Quang Thành	26/09/1996	x							x			Quảng Ninh
300	CQ07DH0008	Nguyễn Thị Hương Giang	30/06/1996	x							x			Quảng Ninh
301	CQ07DH0935	Vũ Hồ Đại Thắng	03/07/1996			x					x			Quảng Ninh
302	CQ06DH1707	Khổng Hồng Long	05/01/1995	x						x				Quảng Ninh
303	CQ07DH0280	Nguyễn Đức Hải	06/12/1996	x						x				Quảng Ninh
304	CQ07DH0780	Vũ Đức Toàn	10/02/1996	x						x				Quảng Ninh
305	CQ07DH0797	Trịnh Thái Hưng	08/05/1996			x				x				Quảng Ninh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
306	CQ07DH1031	Vũ Ngọc Thanh	28/08/1996			x				x			Quảng Ninh
307	LTCQ8DH137	Phạm Hải Nam	27/07/1994		x					x			Điện Biên
308	LTCQ9DH029	Bùi Anh Tuấn	14/09/1992	x					x				Quảng Ninh
309	LTCQ10DH12	Bùi Công Doãn	26/06/1990		x					x			Hải Dương
310	LTCQ10DH14	Nguyễn Văn Phương	29/09/1992	x						x			Hải Dương
311	LTCQ10DH26	Nguyễn Văn Ánh	19/05/1987	x					x				Quảng Ninh
312	LTLA11DH06	Latthana Anousone	14/04/1996			x				x			Lào
313	LTLA11DH02	Phonepaseuth Siliphone	23/03/1996	x					x				Lào
314	LTLA11DH03	Pheth Sounantha	30/12/1994	x						x			Lào
315	LTLA11DH01	Bounthasay Thykeo	11/01/1996	x					x				Lào
316	LTLA11DH05	Bounchan Vilaithong	13/08/1997	x						x			Lào
317	LTLA11DH04	Ouy Xaisithone	23/12/1995	x						x			Lào
318	LTCQ11DH07	Nguyễn Văn Thắng	23/11/1992	x						x			Hải Dương
319	LTCQ11DH17	Phạm Hoàng Điệp	06/10/1979	x					x				Quảng Ninh
320	LA09DH0001	Nukham Seelasay	14/01/1997	x						x			Lào
321	LA09DH0004	Phailakhone Sephanya	01/05/1995	x						x			Lào

Quảng Ninh, ngày 29 tháng // năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ TS. Bùi Thanh Nhu